TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 29/2024/DS-ST Ngày: 02/5/2024 "V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Mên

2. Ông Huỳnh Văn Đương

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2023/TLST-DS, ngày 16/10/2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2024/QĐXXST-DS, ngày 12/3/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 38/2024/QĐST-DS, ngày 28/3/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1974; vắng mặt
2. Chị Trần Ngọc C, sinh năm 1977; có mặt

Đại diện theo uỷ quyền của anh T: Chị Trần Ngọc C, sinh năm 1977; có mặt.

Cùng địa chỉ: Khóm I, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Chị Cao Thị P, sinh năm 1980; vắng mặt

Địa chỉ: Khóm I, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện theo uỷ quyền của chị P: Bà Lê Thị D, sinh năm 1964, có mặt.

Địa chỉ: Khóm I, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay nguyên đơn chị Trần Ngọc C, anh Nguyễn Văn T, đại diện theo uỷ quyền của anh T, chị Trần Ngọc C trình bày yêu cầu như sau:

Vào ngày 02/02/2023, vợ chồng có cho chị Cao Thị P vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 3%/ tháng là 6.000.000 đồng, khi vay chị P có viết biên nhận. Thoả thuận thời hạn là một năm trả vốn. Sau khi vay chị P đóng lãi được 03 tháng đến tháng thứ tư chị P xin trả vốn vì cho rằng không khả năng đóng lãi và hai bên thoả thuận thống nhất trong 04 tháng sẽ trả đủ vốn, không tính lãi nữa, nếu không trả đủ vốn sẽ được tính lãi theo thoả thuận ban đầu và chị P trả được 03 lần: Ngày 18/6/2023 trả 10.000.000 đồng, ngày 19/7/2023 trả 8.000.000 đồng, ngày 12/8/2023 trả 5.000.000 đồng, tổng cộng là 23.000.000 đồng, sau đó chị P không trả nữa và cũng không gặp chị để thoả thuận vấn đề gì khác, vì chị P thực hiện không đúng theo thoả thuận nên chị không chấp nhận số tiền này là tiền gốc,vợ chồng chị C tính tiền lãi từ ngày vay đến ngày khởi kiện 14/10/2023 là 08 tháng 10 ngày, tổng tiền lãi là 50.000.000 đồng, chị P trả được tổng cộng là 41.000.000 đồng tiền lãi, còn nợ 9.000.000 đồng. Nay chị C, anh T yêu cầu chị P phải trả tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 9.000.000 đồng không yêu cầu trả và nếu chị P trả đủ một lần thì chị C, anh T sẽ nhận 170.000.000 đồng, phần còn lại chị C, anh T cho, không yêu cầu trả.

Theo các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Cao Thị P trình bày yêu cầu như sau:

Chị Cao Thị P thừa nhận có vay tiền của vợ chồng chị C, anh T là 200.000.000 đồng, theo như chị C trình bày, sau khi vay chị có đóng lãi được 03 tháng, vì chồng bỏ đi nên chị xin trả vốn và trả được 03 lần là 23.000.000 đồng, nay chị còn nợ 177.000.000 đồng và xin trả dần cho đến khi hết nợ. Chị C, anh T yêu cầu chị trả nợ gốc 200.000.000 đồng thì chị không chấp nhận.

Tại phiên toà hôm nay, bà Lê Thị D là đại diện theo uỷ quyền của chị Cao Thị P trình bày: Chị C yêu cầu chị P trả một lần 170.000.000 đồng thì chị P không khả năng trả và chị C yêu cầu trả 200.000.000 đồng thì chị P không chấp nhận mà chấp nhận trả 177.000.000 đồng vì trước đó chị C, anh T đã hứa cho phần lãi rồi nên số tiền đã trả 23.000.000 đồng là tiền gốc.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự buộc chị Cao Thị P phải trả anh Nguyễn Văn T, chị Trần Ngọc C số tiền vay còn nợ là 189.726.666 đồng.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc Chị Cao Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, buộc anh Nguyễn Văn T, chị Trần Ngọc C chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn và nơi thực hiện giao dịch dân sự tranh chấp trên địa bàn huyện C, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của chị C, anh T yêu cầu chị P phải trả số tiền vay còn nợ nên xác định quan hệ pháp luật là: "*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Xét về biên nhận đề ngày 02/02/2023, chị Cao Thị P đã thừa nhận có vay tiền, có nợ và có ký nhận nợ, nên đây không phải là tình tiết phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Xét về số tiền lãi đã trả: Sau khi vay chị P có đóng lãi được 03 tháng là 18.000.000 đồng, phía chị C, anh T thừa nhận có nhận số tiền này và hai bên không tranh chấp nên không xem xét.

- Xét về số tiền chị P đã trả 03 lần được 23.000.000 đồng, cụ thể là ngày 18/6/2023 trả 10.000.000 đồng, ngày 19/7/2023 trả 8.000.000 đồng, ngày 12/8/2023 trả 5.000.000 đồng. Chị C, anh T cho rằng đây là tiền lãi của số tiền gốc 200.000.000 đồng vì chị P xin trả vốn và hứa trong 04 tháng sẽ trả đủ vốn nhưng chị P không thực hiện được. Chị P thì cho rằng khi đó đã xin trả vốn và anh T đã đồng ý nên trả vốn được 23.000.000 đồng. Nhận thấy khi vay hai bên thoả thuận miệng (không làm giấy tờ) thời gian 01 năm trả vốn và chị P chỉ đóng lãi được 03 tháng, sau đó hai bên thoả thuận miệng (không làm giấy tờ) trả vốn trong vòng 04 tháng thì sẽ không tính lãi, còn không trả đủ vốn trong 04 tháng thì được tính lãi theo thoả thuận ban đầu, nhưng sau thoả thuận thì chị P không thực hiện đúng theo thoả thuận nên Hội đồng xét xử chấp nhận thời gian chị P trả 23.000.000 đồng là tiền lãi. Tuy nhiên, mức lãi 3%/ tháng là vượt mức quy định của nhà nước, phần lãi vượt là không có hiệu lực theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định: " *Lãi suất vay do các bên thoả thuận, trường hợp các bên có thoả thuận về lãi suất thì lãi suất theo thoả thuận không vượt quá 20%/ năm của khoản tiền vay,……. Trường hợp lãi suất theo thoả thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực".*

Theo đơn khởi kiện, chị C, anh T tính lãi từ khi vay đến ngày 14/10/2023 là 08 tháng 10 ngày, chị P đã trả lãi được 03 tháng, còn lại 05 tháng 10 ngày, nhưng tại toà chị C không yêu cầu phần lãi theo thoả thuận còn nợ 9.000.000 đồng tương

ứng thời gian là 01 tháng 15 ngày. Như vậy, tiền lãi của 03 tháng 25 ngày chị P đã trả sẽ được tính như sau:

200.000.000 đồng x 1.66% /tháng x 03 tháng 25 ngày = 12.726.666 đồng.

23.000.000 đồng – 12.726.666 đồng = 10.273.334 đồng.

Về số tiền chị Cao Thị P đã trả lãi dư sẽ được khấu trừ vào tiền vốn là 200.000.000 đồng - 10.273.334 đồng = 189.726.666 đồng.

Buộc chị Cao Thị P phải có nghĩa vụ trả anh Nguyễn Văn T, chị Trần Ngọc C số tiền vay còn nợ là 189.726.666 đồng.

[3] Về án phí: Buộc chị C, anh T phải chịu 5% án phí phần yêu cầu không được chấp nhận. Chị P phải chịu 5% án phí trên số tiền nợ phải trả theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Xét về quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; các Điều 35; 39; 147; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Ngọc C, anh Nguyễn Văn T.

Buộc chị Cao Thị P phải trả chị Trần Ngọc C, anh Nguyễn Văn T số tiền vay còn nợ là 189.726.666 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí:

- Buộc chị Trần Ngọc C, anh Nguyễn Văn T phải chịu 513.666 đồng án phí và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.225.000 đồng theo biên lai thu số 0019135 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị Trần Ngọc C, anh Nguyễn Văn T được trả lại số tiền chênh lệch là 4.711.334 đồng.

- Buộc chị Cao Thị P phải chịu 9.486.333 đồng án phí.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Tranh